



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00756.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,55	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,6	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,02 (20,8°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00757.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Công đoàn KCN Trà Nóc)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,46	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	6,96 (20,6°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM

On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trương Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00758.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (đường Nguyễn Chí Thanh, p. Thới An Đông)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,37	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,09 (20,7°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy



LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00759.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ Address : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (Trương Văn Diễn, p. Phước Thới)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,41	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,05 (21,3°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00760.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ Address : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,40	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,05 (21,1°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy



LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trương Chính

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



Mã số mẫu/ Sample Code:
00761.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ Address : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (số 8, đường Kim Đồng, p. Ô Môn)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,47	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,05 (20,1°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trương Chính

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00762.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ Address : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (đường 26/3, p. Ô Môn)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2005

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,36	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,02 (20,9°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy



LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chính

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00763.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỐI LAI
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại trạm)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,51	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,03 (20,9°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy



LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00764.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỐI LAI
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (ấp Thới Thuận, xã Thới Lai)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,46	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	6,90 (20,1°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy



LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00765.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : TRẠM CẤP NƯỚC THỐI LAI
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (xã Thới Lai)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,64	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,44 (20,5°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00766.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành Phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,50	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,04 (21,3°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy



LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00767.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành Phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (ấp Thới Thuận, xã Cờ Đỏ)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

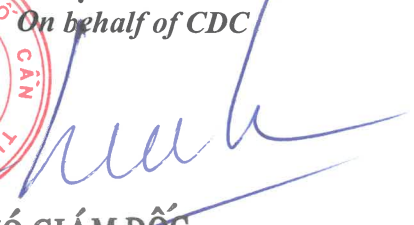
TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,41	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	6,99 (20,8°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory


Văn Quốc Thanh Thủy



LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC


PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trương Chính

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION



Mã số mẫu/ Sample Code:
00768.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ Address : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành Phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SINH HOẠT (xã Thạnh Phú)
4. Số lượng/ Quantity : 1 chai x 1000 ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ Receiving date : 14/07/2025 Ngày trả kết quả/ Issued date : 23/7/2025

TT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method	Tiêu chuẩn/ Standard
1	Coliforms (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)	CFU/100mL	0	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Hàm lượng Asen (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
4	Độ đục (*)	NTU	0,51	SMEWW 2130 B:2023	2
5	Màu sắc (*)	TCU	< 5,0	SWEWW 2120 C:2023	15
6	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
7	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
8	pH (*)	-	7,05 (20,1°C)	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5
9	Permanganat (*)	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	< 0,09	EPA 350.2(1997)	1

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy



LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
3. Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ
4. Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"